TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2023
V/v: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Phạm Thị Lệ Nguyên

- Bà Nguyễn Thị Búp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phúc Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2023/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2023, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa 04/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích N, sinh năm 1999; địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh quảng ngãi.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H phong, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin vắng; bị đơn vắng mặt không có do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trần thị Bích N1 *trình bày:* Chị và anh Nguyễn Ngọc H Phong đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã Đ, huyện M vào ngày 22/7/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp tính nhau nên thường xuyên cãi nhau to tiếng không ai nhường ai. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Đến tháng 01 năm 2023 thì chị N1 và anh P sống ly thân, hiện nay giữa chị N1 và anh P không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy chị N1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Diệu N2, sinh ngày 14/11/2022. Khi ly hôn chị N1 yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh P phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N1 khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/12/2023, bị đơn Nguyễn Ngọc Hoài P1 *trình bày:* Thống nhất về quan hệ hôn nhân, con chung và quá trình chung sống như chị N1 trình bày là đúng. Anh P1 cũng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị N1 có nghi ngờ anh P1 có người phụ nữ khác bên ngoài nên thường kiếm chuyện gây gỗ, cuộc sống chung không hạnh phúc. Hiện nay, vợ chồng đã sông ly thân nên chị N1 yêu cầu ly hôn anh P1 đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Diệu N2, sinh ngày 14/11/2022. Khi ly hôn anh P1 yêu cầu được nuôi con không yêu cầu chị nguyện phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh P1 khai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Anh P1 khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định tại các Điều 70, 71; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để tiến hành

áp dụng biện pháp thu thập chứng cứ là xác minh thu thập tài liệu chứng cứ về việc làm, thu nhập, điều kiện nuôi con của các bên đương sự nhưng không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phát biểu đề xuất giải quyết về vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn Trần Thị Bích N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết "*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con*" với bị đơn Nguyễn Ngọc Hoài P1. Trong vụ án này, bị đơn là anh P1 có địa chỉ nơi cư trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nguyên đơn, bị đơn tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Bích N và anh Nguyễn Ngọc H P1 là hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Bích N, Hội đồng xét xử thấy rằng: chị N và anh P1 tự nguyên kết hôn với nhau nhưng quá trình chung sống do tính cách không hợp nhau, có nhiều bất đồng trong cuộc sống nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn n hân không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ 01 năm 2023 cho đến nay, theo chị N thì vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn, anh P1 đồng ý ly hôn. Vì vậy, đã đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa chị N và anh P1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể nào sống chung với nhau được nữa. Vì vậy, nguyên đơn Trần Thị Bích N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn Nguyễn Ngọc Hoài P1 là có căn cứ theo quy định tại khoản 01 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng cho con:

Chị N và anh P1 có 01 (một) con chung là Nguyễn Trần Diệu N2, sinh ngày 14/11/2022. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N và anh P1, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến hiện tại thì cháu Nguyễn Trần Diệu N2 sống với chị N. Hiện tại cháu N2 vẫn con rất nhỏ (chưa đủ 3 tuổi) nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cần giao con chung là cháu N2 cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng cho con: Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Trần Thị Bích N yêu cầu anh Nguyễn Ngọc H P1 là người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là đúng quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Quá trình giải quyết vụ án anh P1 đã có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nhưng sau đó lại không hợp tác làm việc, liên tiếp vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cần công khai chứng cứ và hòa giải; các phiên tòa sơ thẩm nên không thể làm việc xác định thu nhập, khả năng thực tế của anh P1 được. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng mà chị N yêu cầu là phù hợp với mức chi phí thiết yếu của việc nuôi con bao gồm chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nên được chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung:* Các đương sự đều khai không có.

[3] Về án phí:

Chị Trần Thị Bích N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị N đã nộp giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000832948 ngày 08/12/2023 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00001375 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Ngọc Hoài P1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để tiến hành áp dụng biện pháp thu thập chứng cứ là xác minh thu thập tài liệu chứng cứ về việc làm, thu nhập, điều kiện nuôi con của các bên đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này, con chung là cháu Nguyễn Trần Diệu N2, sinh ngày 14/11/2022 hiện còn đang dưới 36 tháng tuổi. Từ 01 năm 2023 cho đến nay chị N và anh P1 ly thân nhau thì cháu N2 do chị Nguyễn nuuôi d bình thường và không có căn cứ để xác định chị N không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình thì cần phải giao con cho chị N trược tiếp nuôi dưỡng mà không cần thiết phải chứng cứ về việc

làm, thu nhập, điều kiện nuôi con. Đối với anh Nguyễn Ngọc Hoài P1, sau khi có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn thì anh P1 không hợp tác làm việc, liên tiếp vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; các phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không thể làm việc xác định thu nhập, khả năng thực tế của anh P1 về cấp dưỡng cho con. Mặc khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân quy định về xác minh, thu thập chứng cứ thì không có quy định về việc Tòa án xác minh về việc làm, thu nhập, điều kiện nuôi con của các bên đương sự. Do đó, đề nghị ngừng phiên tòa để tiến hành áp dụng biện pháp thu thập chứng cứ là xác minh thu thập tài liệu chứng cứ về việc làm, thu nhập, điều kiện nuôi con của các bên đương sự là không cần thiết (đối với chị Trần Thị Bích N) và không thể thực hiện được (đối với anh Nguyễn Ngọc Hoài P1) nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; các Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và 118 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Bích N.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích N được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Hoài P1.

1.2 Về con chung:

- Giao con là Nguyễn Trần Diệu N2, sinh ngày 14/11/2022 cho chị Trần Thị Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Ngọc Hoài P1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Anh Nguyễn Ngọc Hoài P1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Bích N và anh Nguyễn Ngọc H P1 khai không có nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Bích N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí do chị N đã nộp thay theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000832948 ngày 08/12/2023 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00001375 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Ngọc Hoài P1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi*
- *VKSND huyện Mộ Đức*
- *Chi cục THADS huyện Mộ Đức*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đức Chánh;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hòa